

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp

2. Bà Nguyễn Thị Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn CH, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn CH, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thị Q trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn T ngày 08/11/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Khoảng tháng 5/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 5/2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn CH sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ

đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T đã có những động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Dương Văn T trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống như chị Q trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Q về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh và chị Q đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

Về con chung, chị Q và anh T thống nhất trình bày: Anh chị có 01 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2019. Hiện nay cháu B đang ở với anh T.

Ly hôn, chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Q, cho chị Q được ly hôn anh Dương Văn T. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu B cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí, chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn CH, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Q và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị Q và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay

chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T. Anh T nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2019. Hiện nay cháu B đang ở với anh T. Ly hôn, chị Q và anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Gia B, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của hai bên đều chính đáng. Chị Q làm việc tại Shop thời trang L tại thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng; anh T làm việc tại Công ty Y tại Thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân 18.000.000đ/tháng. Chị Q và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên cháu B dưới 36 tháng tuổi cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ, do vậy để đảm bảo lợi ích của cháu B theo quy định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu của chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B là phù hợp. Do chị Q không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Q được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Gia B, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2019, anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009520 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- UBND xã HĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh